

Bản án số: 294/2024/HS-PT

Ngày: 28-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Uyên Thy.

Các Thẩm phán: 1. Ông Ngô Đức Thụ

2. Ông Lê Công Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Trân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 261/2024/HSPT ngày 25 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo Ngô Kim C và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo Ngô Kim C, Lê Văn H, Nguyễn Văn B, Quách Diệu C1, Lê Ngọc N, Nguyễn D, Lê Văn C2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 140/2024/HS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Ngô Kim C; Sinh năm: 1978 tại T; Nơi ĐK HKTT: ấp C, xã B, thị xã G, tỉnh T; Nơi ở: 3 Đường số B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Văn L (chết) và bà Trần Thị S; Có chồng: Thạch Ngọc P và 02 con: lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt quả tang vào ngày 21/01/2023, tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/01/2023 đến ngày 16/5/2023, sau đó thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/5/2023; Bị bắt lại vào ngày 20/6/2024 (có mặt).

2. Lê Văn H; Sinh năm: 1989 tại Q; Nơi ĐK HKTT: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Q; Nơi ở: C Ấp C, phường B, quận B, Thành phố H; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê P1 và bà Nguyễn Thị K; Có vợ: Nguyễn Thị Mỹ L1 và 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt quả tang vào ngày 21/01/2023, tạm giữ tạm giam từ ngày 22/01/2023 đến ngày 16/5/2023, sau đó thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/5/2023; Bị bắt lại vào ngày 20/6/2024 (có mặt).

3. Nguyễn Văn B; Sinh năm: 1995 tại N; Nơi ĐK HKTT và nơi ở: 50 Đường số B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: phụ may; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn L2 và bà Nguyễn Thị D1; Vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 21/01/2023, tạm giữ tạm giam từ ngày 22/01/2023 đến ngày 16/5/2023, sau đó thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/5/2023. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

4. Quách Diệu C1; Sinh năm: 1987 tại T; Nơi ĐK HKTT: thôn A, xã Đ, huyện C, tỉnh T; Nơi ở: 02 Đường số A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Quách Diệu Q và bà Huỳnh Thị Thanh P2; Có vợ: Lê Thị Phương T và 02 con: lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 21/01/2023, tạm giữ tạm giam từ ngày 22/01/2023 đến ngày 16/5/2023, sau đó thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/5/2023. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

5. Lê Ngọc N; Sinh năm: 1991 tại tỉnh G; Nơi ĐK HKTT: Làng B, xã I, huyện C, tỉnh G; Nơi ở: 3 Đường số A, khu phố I, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Ý và bà Hồ Thị T1; Có vợ: Ngô Thị Thùy D2 và 01 con sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 09/5/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 05 tháng 23 ngày tù về tội “Đánh bạc” (Bản án số 78/2017/HSST ngày 09/5/2017), bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/5/2017, đóng xong án phí dân sự và phạt bổ sung vào ngày 26/9/2017.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 21/01/2023 (có mặt).

6. Nguyễn D1; Sinh năm: 1979 tại A; Nơi ĐK HKTT: 5 T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở: 2 Đường số A, khu phố B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: kinh doanh ăn uống; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn N1 và bà Võ Thị H1; Có vợ: Nguyễn Thị Bảo C3 và 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt quả tang từ ngày 21/01/2023, tạm giữ tạm giam từ ngày 22/01/2023 đến ngày 16/5/2023, sau đó thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/5/2023. Bị cáo tại ngoại (Có mặt)

7. Lê Văn C2; Sinh năm: 1988 tại tỉnh A; Nơi ĐK HKTT: Thôn N, xã Đ, huyện M, tỉnh A; Nơi ở: E M, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn M và bà Huỳnh Thị H2; Có vợ: Lê Thị T2 và 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt từ ngày 21/01/2023, tạm giữ tạm giam từ ngày 22/01/2023 đến ngày 16/5/2023, sau đó thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/5/2023. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Các bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị:

1. Võ Thanh T3; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; Sinh năm: 2002, tại: V; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn B, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; Nơi ở: A M, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Họ và tên cha: Võ Thanh H3, sinh: 1972; Họ và tên mẹ: Trịnh Thị H4, sinh: 1975; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 21/01/2023 (vắng mặt);

2. Vương Văn H5; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1964, tại: C; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: F N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở: G Đường số A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Họ và tên cha: Vương Văn L3 (chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị T4 (chết); H6 và tên vợ: Nguyễn Thị H7 (chết); Bị cáo có 01 con, sinh năm: 1994; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 21/1/2023, tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/01/2023 đến ngày 16/5/2023, sau đó được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/5/2023. (vắng mặt);

3. Đặng Bá Khánh T5; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1989; tại: Q; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: không nơi cư trú nhất định; Nơi ở: không nơi cư trú nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 00/12; Nghề nghiệp: không; Họ tên cha: Đặng Thanh H8, sinh năm: không rõ; Họ và tên mẹ: Đỗ Thị Kim T6, sinh năm: không rõ; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: không; Tiền sự: Ngày 07/12/2022 bị Công an phường A, quận B xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Cá cược trái phép trong hoạt động thể thao” (Quyết định số 194/QĐ-XPHC ngày 07/12/2022). Bị cáo đã chấp hành đóng phạt ngày 06/02/2023.

- Nhân thân:

+ Ngày 17/5/2013 bị Công an phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt hành chính số tiền 150.000 đồng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng” (Quyết định số 256/QĐ-VPHC ngày 17/5/2023). Bị cáo đã chấp hành và đóng phạt vào ngày 25/5/2013.

+ Ngày 24/7/2015 bị Công an xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc” (Quyết định số 135/QĐ-XPHC ngày 24/7/2015). Bị cáo đã chấp hành đóng phạt vào ngày 04/10/2016.

Bị bắt quả tang ngày 21/01/2023 (vắng mặt);

4. Phạm Văn L4; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1990, tại: T; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nơi ở: 1 Đường B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Họ và tên cha: Phạm Văn Q1 (chết); Họ và tên mẹ: Thạch Thị L5, sinh: 1960; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân: Ngày 20/12/2016, bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và “Cưỡng đoạt tài sản” (Bản án số 324/2016/HSST ngày 20/12/2016), chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/11/2017, đã đóng xong án phí sơ thẩm ngày 12/4/2018.

Bị bắt quả tang ngày 21/01/2023 (vắng mặt);

5. Tống Văn H9; Giới tính: Nam; Tên khác: không; Sinh năm: 1988, tại: B; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn H, xã A, huyện H, tỉnh B; Nơi ở: thôn H, xã A, huyện H, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Họ và tên cha: Tống Văn D3, sinh: 1968; Họ và tên mẹ: Hà Thị T7, sinh: 1968; Họ và tên vợ: Phạm Thị X, sinh: 1987; Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt quả tang ngày 21/1/2023, tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/01/2023 đến ngày ngày 16/5/2023, sau đó được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/5/2023 (vắng mặt);

6. Bùi Thanh C4; Giới tính: Nam; Tên khác: không; Sinh năm: 1993, tại: A; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 439/6 L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở: Không nơi cư trú nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Họ và tên cha: Bùi Thanh B1 (chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị T8; H6 và tên vợ: Trần Thị Diễm L6, sinh: 1994; Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt quả tang ngày 21/01/2023 (vắng mặt);

7. Lê Tấn T9; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1988, tại: T; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn E, xã H, huyện T, tỉnh T; Nơi ở: A N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: không; Họ và tên cha: Lê Tấn P3, sinh: 1966; Họ và tên mẹ: Trần Thị Á, sinh: 1963; Họ và tên vợ: Võ Thị

N2, sinh: 1988; Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt quả tang ngày 21/01/2023 (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ 35 phút ngày 21/01/2023, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an quận B phối hợp Phòng PC02 Công an Thành phố H và Công an phường A, quận B tiến hành kiểm tra quán cà phê C, địa chỉ số E Đường số A, phường B, quận B, do Ngô Kim C là chủ quán. Qua kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang tụ điểm đánh bạc dưới hình thức lắc bầu cua, thắng thua bằng tiền do Lê Văn H làm nhà cái ăn thua trực tiếp với 13 người tham gia đặt cược. Vụ việc được Công an phường A lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và chuyển đến Công an quận B thụ lý, điều tra theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ:

- 01 bộ bầu cua đang sử dụng; 01 bộ bầu cua chưa sử dụng; 01 cái thau nhựa; 01 cái đĩa nhựa; 01 cái bàn gỗ; 08 cái ghế nhựa.

- Tiền tang vật thu giữ là 7.200.000 đồng (trong đó: thu giữ Võ Thanh T3 100.000 đồng; thu giữ của Vương Văn H5 200.000 đồng; thu giữ Đặng Bá K1 Trình 100.000 đồng; thu giữ của Nguyễn Văn B 1.000.000 đồng; thu giữ của Quách Diệu C1 100.000 đồng; thu giữ của Phạm Văn L4 2.000.000 đồng; thu giữ của Lê Ngọc N 1.000.000 đồng; thu giữ của Tống Văn H9 200.000 đồng; thu giữ của Nguyễn D1 1.200.000 đồng; thu giữ của Bùi Thanh C4 200.000 đồng; thu giữ Trần Văn H10 100.000 đồng; thu giữ Lê Tấn T9 500.000 đồng; thu giữ của Lê Văn C2 100.000 đồng và 400.000 đồng chưa xác định được người tham gia chơi).

- Ngoài ra, tài sản tạm giữ của các đối tượng tổng cộng 7.200.000 đồng, gồm: Ngô Kim C 1.200.000 đồng tiền xâu; Lê Văn H 500.000 đồng, Nguyễn Văn B 500.000 đồng, Quách Diệu C1 300.000 đồng, Phạm Văn L4 1.000.000 đồng, Nguyễn D1 1.500.000 đồng, Trần Văn H10 1.000.000 đồng, Lê Tấn T9 500.000 đồng, Lê Văn C2 700.000 đồng.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra, các bị cáo khai nhận: Quán C5, địa chỉ số E Đường số A, phường B, quận B, do Ngô Kim C là chủ quán, C sử dụng địa điểm là quán cà phê do mình làm chủ, cung cấp bàn ghế, chỗ ngồi để các con bạc thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức lắc bầu cua ăn tiền và thu tiền xâu mỗi người tham gia đánh bạc 20.000 đồng/giờ; người làm cái 50.000/giờ, bộ bầu cua, đĩa nhựa, thau nhựa và dụng cụ khác để thực hiện hành vi đánh bạc là do các con bạc tự chuẩn bị, C tổ chức đánh bạc và thu tiền xâu được khoảng 01 tháng thì bị phát hiện. Vào ngày 21/01/2023, tại thời điểm bị bắt quả tang, tụ điểm trên do Lê Văn H đứng ra làm cái, thắng thua trực tiếp với các con bạc tham gia cá cược bằng hình thức lắc bầu cua từ 15 giờ 30 phút đến 17 giờ 35 phút, C đã thu được 1.200.000 đồng tiền xâu. Cách thức các đối tượng chơi lắc bầu cua như sau: Đặt

03 viên xúc xắc (mỗi viên có 06 mặt in hình tôm, cua, gà, cá, nai, bầu) vào đĩa nhựa rồi úp thau nhựa, Lê Văn H cầm cái dùng tay lắc, người chơi đặt tiền vào một hoặc nhiều vật mà mình muốn. Nếu trong ba viên xúc xắc xuất hiện hình vật mà người chơi đã đặt cược thì người đặt cược thắng, ngược lại nếu không xuất hiện hình vật mà người chơi đã đặt cược thì Lê Văn Hiếu t, tỷ lệ thắng thua là 1:1, không giới hạn số người chơi và số tiền đặt cược. Cụ thể số tiền đặt cược và số tiền tham gia đánh bạc của từng con bạc như sau:

* Nhà cái: Lê Văn H, thắng thua trực tiếp với các con bạc tham gia cá cược; tại thời điểm bị bắt quả tang, các con bạc cá cược với H tổng số tiền 7.200.000 đồng; chưa rõ thắng thua thì bị bắt quả tang. H mang theo 500.000 đồng, đã bị thu giữ.

* Các con bạc tham gia đặt cược:

1. Võ Thanh T3 đặt cược hình con cua số tiền 100.000 đồng; T3 tham gia đặt cược lần đầu, mang theo 100.000 đồng, đã bị thu giữ trong tiền tang vật.

2. Vương Văn H5 đặt cược hình con gà số tiền 100.000 đồng và đặt cược hình con cá số tiền 100.000 đồng. Trước khi bị bắt, H5 đã tham gia đặt cược 3 ván, mỗi ván cược 100.000 đồng, thua 300.000 đồng; H5 mang theo 500.000 đồng, thua hết 300.000 đồng, còn 200.000 đồng đã bị thu giữ trong tiền tang vật.

3. Đặng Bá Khánh T5 đặt cược hình con gà số tiền 100.000 đồng, tham gia đặt cược lần đầu, mang theo 100.000 đồng, đã bị thu giữ trong tiền tang vật.

4. Nguyễn Văn B đặt cược hình bầu số tiền 1.000.000 đồng, tham gia đặt cược lần đầu. B mang theo 1.500.000 đồng để đánh bạc, đã bị thu giữ trong tiền tang vật là 1.000.000 đồng và thu giữ 500.000 trong người dùng để đánh bạc.

5. Quách Diệu C1 đặt cược hình bầu số tiền 50.000 đồng và đặt cược hình con cua số tiền 50.000 đồng, tham gia đặt cược lần đầu, mang theo 400.000, bị thu giữ trong tiền tang vật 100.000 đồng và thu giữ 300.000 trong người dùng để đánh bạc.

6. Phạm Văn L4 đặt cược hình con cá số tiền 2.000.000 đồng; trước khi bị bắt, L4 đặt cược khoảng 40 ván, mỗi ván đặt cược từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng. L4 mang theo 1.200.000 đồng, thắng 1.800.000 đồng, bị thu giữ trong tiền tang vật 2.000.000 đồng, thu giữ trong người 1.000.000 đồng dùng để đánh bạc.

7. Lê Ngọc N đặt cược hình con nai số tiền 1.000.000 đồng, trước khi bị bắt, Năm tham gia cược 04 ván, mỗi ván đặt 200.000 đồng, hòa vốn. Năm mang theo 1.000.000 đồng để đánh bạc, đã thu giữ trong tiền tang vật.

8. Tống Văn H9 đặt cược hình con tôm số tiền 100.000 đồng và đặt cược hình con cá số tiền 100.000 đồng, trước khi bị bắt, H9 tham gia 03 ván, mỗi ván cược 100.000 đồng, thua hết 03 ván. H9 mang theo 500.000 đồng để đánh bạc, đã thua 300.000, còn 200.000 đồng bị thu giữ trong tiền tang vật.

9. Nguyễn D1 đặt cược hình bầu số tiền 200.000 đồng, đặt cược hình con cua số tiền 500.000 đồng, đặt cược hình con cá số tiền 500.000 đồng, tham gia

cược lần đầu, mang theo 2.700.000 để đánh bạc, 1.200.000 đồng bị thu giữ trong tiền tang vật, còn 1.500.000 đồng bị thu giữ trong người dùng để đánh bạc.

10. Bùi Thanh C4 đặt cược hình con cua số tiền 200.000 đồng, trước khi bị bắt, C4 tham gia đặt cược nhiều lần nhưng không nhớ rõ. C4 mang theo 50.000 đồng để tham gia đánh bạc, đã thắng 150.000 đồng, bị thu giữ 200.000 đồng trong tiền tang vật.

11. Trần Văn H10 đặt cược hình con nai số tiền 50.000 đồng, đặt cược hình bầu số tiền 50.000 đồng. Trước khi bị bắt, H10 đã tham gia đặt cược được 03 ván, mỗi ván từ 20.000 đồng đến 100.000 đồng, không nhớ rõ thắng thua. H10 mang theo 1.100.000 đồng, trong đó 100.000 đồng đã bị thu giữ trong tiền tang vật; 1.000.000 thu giữ trong người là tiền cá nhân không sử dụng cho mục đích đánh bạc.

12. Lê Tấn T9 đặt cược hình con cá số tiền 250.000 đồng, đặt cược hình con cua số tiền 250.000 đồng. Trước khi bị bắt, T9 đã tham gia đặt cược 07 ván, mỗi ván cược từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, không thắng không thua. T9 mang theo 1.000.000 đồng để tham gia đánh bạc, trong đó 500.000 đồng đã bị thu giữ trong tiền tang vật, 500.000 đồng thu giữ trong người dùng để đánh bạc.

13. Lê Văn C2 đặt cược hình con cá số tiền 50.000 đồng, đặt cược hình con cua số tiền 50.000 đồng. Trước khi bị bắt, C2 đã tham gia cược 01 ván, thua 50.000 đồng. C2 mang theo 800.000 đồng, trong đó 100.000 đồng bị thu giữ trong tiền tang vật, còn 700.000 đồng thu giữ trong người, C2 khai chỉ sử dụng 200.000 để tham gia đánh bạc, còn 500.000 là tiền cá nhân không sử dụng cho mục đích đánh bạc.

Số tiền 400.000 đồng còn lại do đối tượng chưa rõ lai lịch khác tham gia đặt cược, đã chạy khỏi hiện trường tại thời điểm kiểm tra

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 140/2024/HS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Ngô Kim C** 03 (ba) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án, trừ đi thời hạn bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 16/5/2023.

Bị cáo bị bắt lại vào ngày 20/6/2024.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Lê Ngọc N** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Lê Văn H 02** (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo phải chấp hành án, trừ đi thời hạn bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến 16/5/2023.

Bị cáo bị bắt lại vào ngày 20/6/2024.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn B 01** (một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án, trừ thời hạn bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến 16/5/2023.

- Xử phạt bị cáo **Quách Diệu C1 01** (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án, trừ thời hạn bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến 16/5/2023.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn D1 02** (hai) năm tù về tội “Đánh bạc” Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án, trừ thời hạn bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến 16/5/2023.

Xử phạt bị cáo **Lê Văn C2 01** (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án, trừ thời hạn bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến 16/5/2023.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Đặng Bá Khánh T5: 02** (hai) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 21/01/2023.

- Xử phạt bị cáo **Phạm Văn L4: 02** (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 21/01/2023.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Vương Văn H5: 01** (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án, trừ đi thời hạn bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 16/5/2023;

- Xử phạt bị cáo **Tổng Văn H9: 01** (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án, trừ đi thời hạn bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 16/5/2023;

- Xử phạt bị cáo **Lê Tấn T9: 01** (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 21/01/2023;

Sau khi xét xử sơ thẩm, từ ngày 20/6/2024 đến ngày 26/6/2024 các bị cáo Lê Văn H, Ngô Kim C, Lê Ngọc N, Lê Văn C2, Nguyễn D1, Quách Diệu C1, Nguyễn Văn B có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã xác định. Các bị cáo Ngô Kim C, Lê Văn H, Lê Ngọc N xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và các bị cáo Lê Văn C2, Nguyễn D1, Quách Diệu C1, Nguyễn Văn B xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho các bị cáo được hưởng án treo, vì trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng người, đúng tội, tuy nhiên mức hình phạt của tất cả các bị cáo trong vụ án là nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Mặc dù các bị cáo còn lại là H5, H9, T9, T5, L4, H10 không có đơn kháng cáo (trừ hai bị cáo T3, C4 đã được trả tự do tại tòa), nhưng nhìn chung số tiền đánh bạc của tất cả các bị cáo trên đều không lớn, nên cần xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo không có đơn kháng cáo từ 06 tháng đến 09 tháng nhằm đảm bảo đúng tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và thể hiện tính công bằng, nhân đạo của pháp luật.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo C, H, N, B, C1, D1 và C2. Sửa Bản án sơ thẩm số 140/2024/HS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 322 điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Ngô Kim C: từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày 20/6/2024, trừ đi thời hạn bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 16/5/2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Lê Ngọc N: từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Lê Văn H: từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2024, được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 21/01/2023 đến ngày 16/5/2023.

Xử phạt Nguyễn Văn B: từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù; Quách Diệu C1: từ 09 tháng đến 01 năm tù; Nguyễn D1: từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù; Lê Văn C2: từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án, trừ đi thời hạn bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 16/5/2023.

+ Đối với các bị cáo không có đơn kháng cáo, đề nghị xử phạt: Trần Văn H10: từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù; Đặng Bá Khánh T5: từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù; Phạm Văn L4: từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù; Vương Văn H5: từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù; Tống Văn H9: từ 09 tháng đến 01 năm tù; Lê Tấn T9: từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận và lời nói sau cùng các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định:

Khoảng 17 giờ 35 phút ngày 21/01/2023, tại quán C, địa chỉ số E Đường số A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Ngô Kim C đã có hành vi tổ chức cho các con bạc tham gia đánh bạc để thu tiền xâu là 1.200.000 đồng. Lê Văn H, Võ Thanh T3, Vương Văn H5, Đặng Bá Khánh T5, Nguyễn Văn B, Quách Diệu C1, Phạm Văn L4, Lê Ngọc N, Tống Văn H9, Nguyễn D1, Bùi Thanh C4, Trần Văn H10, Lê Tấn T9, Lê Văn C2 trực tiếp tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh bạc bằng hình thức lắc bầu cua, thắng thua trực tiếp bằng tiền, thì bị bắt quả tang. Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 7.200.000 đồng, thu giữ trong người các con bạc 6.000.000 đồng để sử dụng đánh bạc, 1.200.000 đồng tiền xâu. Tổng số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc là 14.400.000 đồng.

Bị cáo Ngô Kim C có hành vi tổ chức cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên. Do đó hành vi của bị cáo Ngô Kim C đã cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Các bị cáo Lê Văn H, Nguyễn Văn B, Quách Diệu C1, Lê Ngọc N, Nguyễn D1, Lê Văn C2, Trần Văn H10, Đặng Bá Khánh T5, Phạm Văn L4, Vương Văn H5, Tống Văn H9, Lê Tấn T9, Võ Thanh T3, Bùi Thanh C4 đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức lắc bầu cua bằng tiền với tổng số tiền 14.400.000 đồng. Do đó hành vi của các bị cáo Lê Văn H, Nguyễn Văn B, Quách Diệu C1, Lê Ngọc N, Nguyễn D1, Lê Văn C2, Trần Văn H10, Đặng Bá Khánh T5, Phạm Văn L4, Vương Văn H5, Tống Văn H9, Lê Tấn T9, Võ Thanh T3, Bùi Thanh C4

đã cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Ngô Kim C, Lê Văn H, Nguyễn Văn B, Quách Diệu C1, Lê Ngọc N, Nguyễn D1, Lê Văn C2, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa là khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và chưa có tiền án, tiền sự; đều là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh khó khăn. Hội đồng xét xử xét thấy số tiền mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc không lớn, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội có phần hạn chế. Các bị cáo nhất thời phạm tội, không mang tính chất chuyên nghiệp.

Bị cáo Lê Ngọc N là lao động chính trong gia đình, có con nhỏ hiện nay hơn 1 tuổi, vợ đang thất nghiệp. Mức án mà cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo Ngô Kim C, Lê Văn H và Lê Ngọc N có phần nghiêm khắc so với hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ 1 phần hình phạt cho các bị cáo Ngô Kim C, Lê Văn H, Lê Ngọc N.

Bị cáo Nguyễn D1 hiện đang kinh doanh ăn uống tại số G N, phường T, quận T, bị cáo đang có công việc ổn định, có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 41X8042722 ngày 18/5/2022 do Ủy ban nhân dân quận T cấp; Bị cáo Nguyễn Văn B là bộ đội xuất ngũ, có ông nội tên Nguyễn B2 là Liệt sỹ, bà nội tên Lưu Thị N3 là bà mẹ Việt Nam anh hùng, hiện đang làm thợ phụ may cho gia đình; Bị cáo Lê Văn C2 hiện đang làm nhân viên kỹ thuật cho Công ty TNHH C6, có giấy xác nhận công tác của công ty ngày 27/8/2024, bị cáo có giấy xác nhận không vi phạm pháp luật tại địa phương và hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ bị cáo đang mang thai 8 tháng; Bị cáo Quách Diệu C1 bị bệnh phải cắt bỏ 1 phần phổi, vợ bị cáo đang điều trị bệnh ung thư, ông ngoại bị cáo là Huỳnh Minh M1 là Liệt sỹ, tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Nhận thấy các bị cáo Nguyễn D1, Lê Văn C2, Quách Diệu C1 và Nguyễn Văn B có khả năng tự cải tạo và có nơi cư trú ổn định, rõ ràng và cũng đã bị tạm giam 1 thời gian. Từ khi được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay bị cáo đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật và chấp hành tốt lệnh triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng. Việc bắt giam các bị cáo trở lại là không cần thiết, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, cho các bị cáo Nguyễn D1, Lê Văn C2, Quách Diệu C1 và Nguyễn Văn B được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên mức hình phạt các bị cáo còn lại có phần nghiêm khắc. Mặc dù, các bị cáo còn lại là Đặng Bá Khánh T5, Phạm Văn L4, Vương Văn H5, Tống Văn H9, Lê Tấn T9 không có đơn kháng cáo (trừ bị cáo Võ Thanh T3 và Bùi Thanh C4 đã được trả tự do tại tòa), nhưng nhìn chung số tiền đánh bạc của tất cả các bị cáo trên đều không lớn, nên cần xem xét giảm

nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo không có đơn kháng cáo nhằm đảm bảo đúng tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và thể hiện tính công bằng, nhân đạo của pháp luật.

Đối với bị cáo Trần Văn H10 có 1 tiền án, nhân thân xấu nhiều lần phạm tội nên cấp sơ thẩm xét xử bị cáo mức án 02 năm tù là phù hợp.

[4] Lập luận trên là căn cứ chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ngô Kim C, Lê Văn H, Nguyễn Văn B, Quách Diệu C1, Lê Ngọc N, Nguyễn D1, Lê Văn C2.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 140/2024/HSST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Xử phạt bị cáo **Ngô Kim C** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2024, được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 21/01/2023 đến ngày 16/5/2023.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2. Xử phạt bị cáo **Lê Văn H** 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2024, được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 21/01/2023 đến ngày 16/5/2023.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng Hình sự

3. Xử phạt bị cáo **Lê Ngọc N** 01 (một) năm 07 (bảy) tháng 07 (bảy) ngày tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2023.

Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

4. Xử phạt bị cáo **Nguyễn D1** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn D1 về Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

5. Xử phạt bị cáo **Quách Diệu C1** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Quách Diệu C1 về Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

6. Xử phạt bị cáo **Lê Văn C2** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn C2 về Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

7. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn B** 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn B về Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn L4** 02 (hai) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2023.

Xử phạt bị cáo **Đặng Bá Khánh T5** 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2023.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Lê Tấn T9** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2023.

Xử phạt bị cáo **Vương Văn H5** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án được trừ đi thời hạn bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 16/5/2023.

Xử phạt bị cáo **Tổng Văn H9** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án được trừ đi thời hạn bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2023 đến ngày 16/5/2023.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo Nguyễn Văn B, Quách Diệu C1, Nguyễn D1 và Lê Văn C2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- | | |
|--------------------------------|------|
| - TANDTC; | (1) |
| - TAND Cấp Cao tại TP.HCM; | (1) |
| - VKSND Cấp cao tại TP.HCM; | (2) |
| - VKSND TP.HCM; | (2) |
| - Sở Tư pháp TP.HCM; | (1) |
| - P.PV06 - CA TP.HCM; | (1) |
| - TAND quận Bình Tân; | (1) |
| - VKSND quận Bình Tân; | (1) |
| - Công an quận Bình Tân; | (1) |
| - Chi cục THADS quận Bình Tân; | (1) |
| - Bị cáo; | (15) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (15) |
| - Lưu Tòa Hình sự, hồ sơ (45). | (5) |

Phạm Uyên Thy